

Số: **0194**/BTC-QLCS  
V/v xin ý kiến dự thảo Nghị định  
sửa đổi, bổ sung một số điều của  
Nghị định số 04/2019/NĐ-CP.

Hà Nội, ngày **14** tháng 9 năm 2022

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương;
- Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố, trực thuộc trung ương;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Công văn số 2905/VPCP-KTTH ngày 10/5/2022 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính dự thảo Tờ trình Chính phủ và xây dựng Nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

(Các bản dự thảo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Trang thông tin về tài sản công).

Để có cơ sở hoàn thiện và đảm bảo tiến độ xây dựng chính sách theo chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, đề nghị Quý Cơ quan có ý kiến tham gia về dự thảo dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định nêu trên và gửi về Cục Quản lý công sản (Bộ Tài chính) trước ngày 30/9/2022 (file gửi đến địa chỉ email: [luuthithuque@mof.gov.vn](mailto:luuthithuque@mof.gov.vn)) để Bộ Tài chính có cơ sở nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Nghị định, trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý Cơ quan./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Sở Tài chính các tỉnh/TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, QLCS(160)02

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Đức Chi**

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2022

**DỰ THẢO****TỜ TRÌNH****VỀ VIỆC BAN HÀNH Nghị định quy định tiêu chuẩn,  
định mức sử dụng xe ô tô**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại Công văn số 2905/VPCP-KTTH ngày 10/5/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP; Bộ Tài chính đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương khẩn trương triển khai và xin báo cáo Chính phủ như sau:

**I. VỀ CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại điểm 1 Công văn số 663/VPCP-KTTH ngày 26/01/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của địa phương theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sau đây gọi tắt là Nghị định số 04); trên cơ sở báo cáo của các Bộ, cơ quan trung ương, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 13944/BTC-QLCS ngày 06/12/2021, Bộ Tài chính đã tổng hợp và có Văn bản số 40/BC-BTC ngày 29/3/2022 gửi Thủ tướng Chính phủ báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 04.

Theo đó, việc Chính phủ ban hành Nghị định số 04, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 24/2019/TT-BTC, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 07/2020/TT-BYT đã tạo lập hành lang pháp lý cho việc hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch, dự toán, giao, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng, sử dụng, xử lý xe ô tô. Việc phân chia xe ô tô thành: xe ô tô chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước là phù hợp với đối tượng, mục đích sử dụng và yêu cầu quản lý. Việc cho phép tiếp tục thực hiện một số phương thức mới như: khoán kinh phí sử dụng, quản lý xe ô tô tập trung... đã góp phần đa dạng hóa hình thức bảo đảm phương tiện phục vụ công tác, cách thức trang bị, quản lý xe ô tô đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Việc tổ chức triển khai thực hiện tại các Bộ, ngành, địa phương đã đạt được những kết quả nhất định, đặc biệt là việc tổ chức phổ biến, quán triệt tới các đối tượng chịu sự điều chỉnh của chính sách và các đối tượng có liên quan; ban hành văn bản quyết định về định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

chung đối với các đơn vị trung ương có phạm vi quản lý trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, các đơn vị trung ương và địa phương có trụ sở đóng trên địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ban hành văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, xe ô tô có cấu tạo đặc biệt, xe gắn thiết bị chuyên dùng, xe gắn biển hiệu nhận biết, xe ô tô tải, xe ô tô bán tải, xe ô tô trên 16 chỗ ngồi quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều 17 Nghị định số 04 và thực hiện công khai theo quy định; cập nhật biến động về xe ô tô trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

Tuy nhiên, thực tế triển khai thực hiện đã phát sinh những vấn đề bất cập như: Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung chưa phản ánh đầy đủ địa bàn, phạm vi, tính chất hoạt động, mức độ tự chủ, khối lượng nhiệm vụ phải thực hiện; việc không quy định tiêu chuẩn, định mức và không trang bị xe phục vụ công tác của các đơn vị trực thuộc Cục/Sở/huyện có chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 đến dưới 1,25 mà chuyển toàn bộ sang thuê dịch vụ/ khoán kinh phí chưa phù hợp với các đơn vị có tính đặc thù, không thuê được xe khi phải hoạt động trên địa bàn khó khăn, hoạt động vào ban đêm hoặc khi thực hiện giãn cách xã hội do dịch bệnh (các dịch vụ vận tải không được phép hoạt động)... Đối với xe ô tô chuyên dùng: Một số loại xe chưa quy định rõ tiêu chí, cách thức xác định, mối quan hệ giữa chủng loại xe và mục đích sử dụng xe, đồng thời giao thẩm quyền ban hành cho các Bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh; vì vậy, chủng loại và số lượng xe ô tô chuyên dùng còn có sự khác nhau giữa các địa phương, mặc dù các địa phương đều có những đặc điểm có tính tương đồng. Một số loại xe vừa có thể sử dụng như xe ô tô phục vụ công tác chung vừa có thể sử dụng như xe chuyên dùng (phục vụ các hoạt động đặc thù) như: xe bán tải và đặc biệt là xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhưng nếu sử dụng để phục vụ công tác chung lại chưa đảm bảo về mục đích sử dụng của tài sản. Bên cạnh đó, các hoạt động mang tính đặc thù có yêu cầu sử dụng xe chuyên dùng thường phát sinh đột xuất không mang tính thường xuyên (phòng chống lụt bão, tháp tùng các đoàn công tác đến làm việc, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại...) nhưng lại chưa có quy định cụ thể để "tích hợp" nhiều mục đích vào cùng một loại xe. Quy trình báo cáo để phê duyệt về chủng loại, số lượng, đối tượng sử dụng, mức giá đối với xe ô tô phục vụ nhiệm vụ đặc thù chưa thực sự đảm bảo tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương, phát sinh nhiều công việc sự vụ phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ; chưa tạo sự chủ động, tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư trong việc quyết định đối với định mức xe ô tô chuyên dùng của đơn vị mình theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Mức giá mua xe ô tô chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Nghị định số 04 đã được duy trì từ năm 2010 (theo Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ) cho đến nay trong khi giá cả thị trường nói chung và giá xe ô tô trên thị trường đã có nhiều

biến động. Vì vậy, theo phản ánh của các Bộ, địa phương thì giá mua xe ô tô hiện nay là rất thấp so với giá thị trường để lựa chọn được loại xe tương đương như trước đây cũng như bảo đảm tính an toàn trong quá trình sử dụng.

Về phương thức quản lý xe ô tô: Việc quy định “cứng” phương thức quản lý xe ô tô tập trung đối với một số trường hợp (cơ quan bộ, cơ quan Tổng cục, các văn phòng cấp huyện) chưa bảo đảm tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan có chức danh được sử dụng xe ô tô.

Về công tác tổ chức thực hiện: Tiến độ ban hành quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc thẩm quyền của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương đối với các loại xe quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Nghị định số 04 còn có sự khác nhau. Việc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tiêu chuẩn, định mức đối với xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các Bộ, ngành, địa phương chưa gắn với việc làm rõ sự cần thiết, cơ sở pháp lý, chủng loại, đối tượng sử dụng,.. dẫn tới thời gian xem xét, thẩm định bị kéo dài, phải rà soát lại nhiều thông tin. Tiến độ sắp xếp lại, xử lý xe ô tô sau khi áp dụng định mức chưa đáp ứng yêu cầu, số xe cần xử lý trong thời gian tới còn lớn. Việc đăng nhập thông tin biến động về xe ô tô trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công còn chưa đầy đủ, kịp thời.

Nguyên nhân có tình trạng nêu trên là do: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định số 04 có nhiều thay đổi so với các quy định trước đây; cần có thời gian để rà soát, sắp xếp lại cũng như ban hành các văn bản để tổ chức triển khai thực hiện. Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và phương thức quản lý còn có những vấn đề không còn phù hợp với tình hình hiện nay. Việc sắp xếp lại, xử lý ô tô dôi dư, thay đổi phương thức quản lý xe ô tô (từ phân tán sang tập trung) phải gắn với tiến độ ban hành/ phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dụng, giải quyết chế độ đối với lái xe,... Giai đoạn 2020 - nay, dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, yêu cầu sử dụng xe ô tô lớn nhưng có nhiều thời gian dịch vụ vận tải bị hạn chế dẫn tới nhiều đơn vị phải duy trì số xe hiện có phục vụ công tác, đồng thời cơ chế khoán kinh phí, thuê xe dịch vụ bộc lộ những vấn đề bất cập.

Bên cạnh đó, ngày 05/5/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 35-KL/TW về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở. Theo đó, các chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở có sự sắp xếp lại để bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý nguồn cán bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ các giai đoạn mới. Việc sắp xếp này đặt ra yêu cầu phải điều chỉnh lại tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ các chức danh hiện hành cho phù hợp.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Từ cơ sở trên, việc Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ

quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô là cần thiết và có cơ sở pháp lý. Tại Văn bản số 2905/VPCP-KTTH ngày 10/5/2022 của Văn phòng Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ đồng ý giao Bộ Tài chính xây dựng Nghị định này.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích**

Giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra khi triển khai thực hiện Nghị định số 04, góp phần đảm bảo cơ sở vật chất cho công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho xã hội, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

### **2. Quan điểm**

a) Xe ô tô cùng với các tài sản khác (trụ sở làm việc, máy móc thiết bị,...) là cơ sở vật chất, điều kiện cần thiết để phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho xã hội; sự phù hợp của tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

b) Tiếp tục quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng xe ô tô công; nâng cao hiệu quả sử dụng xe ô tô công; bảo đảm an toàn cho tài sản và người sử dụng xe ô tô.

c) Kế thừa các quy định hiện hành qua thực tiễn triển khai phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, đồng thời, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn; xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, định mức có cơ sở khoa học, tăng cường tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các Bộ, địa phương trong việc quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý gắn với việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng.

## **III. VỀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

1. Sau thời gian triển khai thực hiện Nghị định số 04, Bộ Tài chính đã chủ động thực hiện khảo sát, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện tại các Bộ, ngành, địa phương. Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, cơ quan trung ương, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 13944/BTC-QLCS ngày 06/12/2021, Bộ Tài chính tổng hợp và có Văn bản số 40/BC-BTC ngày 29/3/2022 gửi Thủ tướng Chính phủ báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 04 và đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04.

2. Ngày 10/5/2022, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 2905/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ thống nhất đề xuất của Bộ Tài chính về việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04.

3. Căn cứ nhiệm vụ được Lãnh đạo Chính phủ giao, quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản cử cán bộ tham gia của các đơn vị liên quan, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số .../QĐ-BTC ngày

.../9/2022 thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô. Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã cho ý kiến vào dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định và các hồ sơ trình Chính phủ theo quy định.

4. Ngày /9/2022, Bộ Tài chính đã gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở Trung ương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đăng tải dự thảo trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính và Trang Thông tin về tài sản nhà nước để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

5. Bộ Tài chính cũng đã tổ chức các Hội thảo để lấy ý kiến trực tiếp của đại diện các Bộ, ngành, địa phương.

6. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

7. Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày .../.../2022. Bộ Tài chính đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, chỉnh lý dự thảo Nghị định.

#### **IV. TÊN GỌI, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

##### **1. Về tên gọi và phạm vi điều chỉnh**

Tại Báo cáo số 40/BC-BTC ngày 29/3/2022, Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tên gọi của Nghị định là: “*Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô*” và phạm vi điều chỉnh của Nghị định là: “*Nghị định này sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô*”.

Tuy nhiên, để thực hiện Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị thì một số nội dung của Nghị định số 04 khi Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ dự kiến không sửa như đối tượng sử dụng và chế độ sử dụng xe ô tô phục vụ chức danh thì nay cần được sửa đổi, bổ sung; đồng thời, phạm vi và cách xác định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng có sự thay đổi để bảo đảm tối đa hóa mục đích và tần suất sử dụng, cũng như tránh sơ hở trong thực hiện đã dẫn tới phải sửa đổi nội dung của nhiều điều (cụ thể sửa đổi 20 điều, bỏ 3 điều, bổ sung 1 điều, chỉ còn 4 điều giữ nguyên). Vì vậy, để thuận lợi cho việc nghiên cứu, áp dụng trong thực tế, Bộ Tài chính Chính phủ cho phép xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 04 với tên gọi và phạm vi điều chỉnh của Nghị định như sau:

- Về tên gọi: Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

- Về phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô; thuê dịch vụ xe ô tô và sắp xếp lại, xử lý xe ô tô.

## 2. Về đối tượng áp dụng

Đề phù hợp với Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị, Dự thảo bổ sung, hoàn thiện về đối tượng áp dụng Nghị định gồm: Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước; doanh nghiệp nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## V. VỀ KẾT CẤU VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định được kết cấu thành 5 Chương (giữ nguyên như Nghị định số 04) với tổng số 25 Điều quy định các nội dung chủ yếu sau đây:

### 1. Chương I. Quy định chung

Chương này gồm có 03 điều (từ Điều 1 đến Điều 3) quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức và thay thế xe ô tô. Trong đó:

- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1) và đối tượng (Điều 2) đã được Bộ Tài chính báo cáo tại Mục IV Tờ trình này. Riêng đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép áp dụng hoặc vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp, để bảo đảm tương đồng với các doanh nghiệp nhà nước, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định theo hướng: *Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh được áp dụng theo quy định tại Nghị định này; tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) xem xét, quyết định để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm.*

- Về nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức và thay thế xe ô tô phục vụ công tác (Điều 3): Dự thảo Nghị định cơ bản kế thừa quy định tại Điều 3 Nghị định số 04; đồng thời có điều chỉnh một số nội dung liên quan đến việc sử dụng xe ô tô phục vụ chức danh, cách xác định biên chế để tính tiêu chuẩn, định mức; bổ sung quy định về tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô của Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết, tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị có nhiều hoạt động đặc thù, sử dụng xe ô tô chuyên dùng kết hợp phục vụ công tác chung, hỗ trợ xe ô tô cho các tổ chức hội quần chúng có đảng đoàn; chuyển nội dung quy định về việc điều chỉnh giá xe ô tô tại Điều 20 Nghị định số 04 vào Điều 3 dự thảo và quy định Bộ, cơ quan trung ương, Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, UBND cấp tỉnh, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị Tập đoàn kinh tế xem xét, quyết định giá

mua xe ô tô cao hơn không quá 10% so với mức giá quy định tại Nghị định này nếu sau 01 năm Nghị định có hiệu lực mà giá xe trên thị trường có biến động tăng. Đồng thời, Bộ Tài chính trình Chính phủ bãi bỏ quy định điều chỉnh tăng, giảm đến 20% và tăng, giảm trên 20% tại Nghị định 04. Lý do: Thực tế triển khai Nghị định số 04 hầu như không áp dụng các quy định này, đồng thời, giá xe tại dự thảo Nghị định đã được điều chỉnh sát với mức giá phổ biến trên thị trường.

## **2. Chương II. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô**

Chương này gồm có 4 mục với 16 Điều (từ Điều 4 đến Điều 19) quy định về các nội dung chủ yếu sau:

### **2.1. Mục 1. Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ chức danh (4 điều, từ Điều 4 đến Điều 7)**

Nghị định số 04 chia các chức danh, chức vụ thành 04 nhóm để xây dựng tiêu chuẩn và chế độ trang bị, thay thế xe, gồm: Nhóm 1: Chức danh được sử dụng thường xuyên xe ô tô kể cả khi đã nghỉ công tác, không quy định mức giá<sup>1</sup>; Nhóm 2: Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, không quy định mức giá<sup>2</sup>; Nhóm 3: Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô với giá mua tối đa 1.100 triệu đồng/xe trong thời gian công tác<sup>3</sup>; Nhóm 4: Chức danh được sử dụng xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và đi công tác với giá mua tối đa 920 triệu đồng/xe<sup>4</sup>.

Nay, căn cứ danh mục chức danh, chức vụ quy định tại Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022, Bộ Tài chính trình Chính phủ:

- Tiếp tục duy trì cách phân chia các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thành 04 nhóm như quy định hiện hành. Trong đó, Nhóm 1: Chức danh được sử dụng thường xuyên xe ô tô kể cả khi đã nghỉ công tác, không quy định mức giá (gồm: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội); Nhóm 2: Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, không quy định mức giá (gồm: Thường trực Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội); Nhóm 3: Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác có quy định mức giá mua tối đa; (iv) Nhóm 4: Chức danh được sử dụng xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và đi công tác có quy định mức giá mua tối đa.

<sup>1</sup> Gồm: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội.

<sup>2</sup> Gồm: Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội; các chức danh tương đương.

<sup>3</sup> Gồm: Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ và các chức danh tương đương.

<sup>4</sup> Gồm: Phó Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội, Thứ trưởng, Tổng cục trưởng; các chức danh tương đương.



- Sắp xếp lại các chức danh thuộc Nhóm 3, Nhóm 4 cho phù hợp với Danh mục ban hành kèm theo Kết luận số 35-KL/TW (Nhóm 3 chia thành 3 bậc, Nhóm 4 chia thành 7 bậc); đồng thời, điều chỉnh giá mua xe ô tô tối đa của Nhóm 3, Nhóm 4 cho phù hợp với giá xe ô tô thực tế trên thị trường của loại xe đang được sử dụng phổ biến phục vụ công tác của các chức danh tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Bổ sung chế độ trang bị xe ô tô phục vụ chức danh thuộc Nhóm 02 theo hình thức giao, điều chuyển để phù hợp với tình hình thực tế, tiết kiệm chi phí trang bị mới.

## **2.2. Mục 2. Về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung (8 điều, từ Điều 8 đến Điều 15)**

a) Dự thảo Nghị định giữ nguyên cách phân chia các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thành các nhóm khác nhau để xác định định mức; gồm: (i) Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương; (ii) Các đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục; (iii) Các đơn vị cấp tỉnh; (iv) Các đơn vị cấp huyện; (v) Các doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, trong mỗi cấp có sự điều chỉnh về cách xác định định mức cho phù hợp với quy mô, tính chất, phạm vi hoạt động, địa bàn hoạt động, cơ chế tự chủ,... của các đơn vị.

b) Về khái niệm xe ô tô phục vụ công tác chung: Nghị định số 04 chưa có quy định về khái niệm “xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị”; đồng thời xếp xe ô tô bán tải, xe ô tô thông thường (từ 4-16 chỗ ngồi) nhưng phục vụ các nhiệm vụ đặc thù vào danh mục xe ô tô chuyên dùng; việc phân loại như vậy dẫn tới khó kiểm soát việc sử dụng, nếu sử dụng vừa để đi công tác, vừa sử dụng để thực hiện nhiệm vụ đặc thù thì không phù hợp với quy định, nhưng nếu chỉ sử dụng để thực hiện nhiệm vụ đặc thù thì sẽ không sử dụng hết công suất do đa phần các nhiệm vụ đặc thù không phải là công việc thường xuyên mà chỉ xuất hiện ở trong những hoàn cảnh cụ thể (phòng, chống lụt bão; đón tiếp khách quốc tế; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại;...). Do vậy, tại Dự thảo Nghị định đã làm rõ khái niệm xe ô tô phục vụ công tác chung (Điều 8), đồng thời điều chỉnh lại danh mục xe ô tô chuyên dùng (Điều 16) theo hướng thu hẹp lại phạm vi (chỉ những xe ô tô có cấu tạo đặc biệt, gắn thiết bị chuyên dùng, gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật, có số chỗ ngồi quá 16 chỗ, xe tải) mới được xác định là xe ô tô chuyên dùng, chuyên xe ô tô bán tải không gắn thiết bị chuyên dùng hoặc biển hiệu nhận biết, xe ô tô khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù sang xe ô tô phục vụ công tác chung để tối ưu hóa mục đích sử dụng, tần suất sử dụng, hiệu quả sử dụng xe ô tô công.

c) Về đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung: Để phù hợp với lộ trình cải cách tiền lương và Kết luận số 35-KL/TW, Dự thảo quy định cụ thể các chức danh được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung (không quy định theo hệ số phụ cấp chức vụ như trước đây). Đồng thời, bổ sung các đối tượng là Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Hội

đồng nhân dân, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện vào đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo kiến nghị của các địa phương.

d) Về định mức sử dụng xe ô tô của các Vụ, Cục và tổ chức tương đương thuộc Bộ: Tách đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ để quy định riêng; các đơn vị còn lại được xác định định mức theo quy mô biên chế của từng đơn vị (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc - nếu có). Nhu cầu sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung phụ thuộc vào đối tượng sử dụng, phạm vi hoạt động, tính chất công việc, địa bàn hoạt động. Biên chế của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tương đối toàn diện các yếu tố tác động tới nhu cầu sử dụng xe ô tô phục vụ công tác nêu trên, mặt khác, việc sử dụng chỉ tiêu này mang tính chất kế thừa các quy định trước đây về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô. Theo đó, tùy theo quy mô biên chế, số lượng xe ô tô được xác định theo số lượng biên chế; tối thiểu là 01 xe/02 đơn vị (áp dụng đối với đơn vị có biên chế đến 25 người) đến 05 xe/01 đơn vị (áp dụng đối với đơn vị có biên chế từ 500 người trở lên)...

- Đối với các Bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc việc xác định định mức được quy định riêng cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh<sup>5</sup> (số biên chế để xác định định mức bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc). Đây là các đơn vị hoạt động độc lập với khối các Vụ, Cục thuộc cơ quan Bộ. Vì vậy, mỗi đơn vị được trang bị tối thiểu 01 xe, tùy theo số lượng biên chế tăng thêm sẽ được xác định định mức cao hơn. Riêng các đơn vị có trụ sở chính đóng trên địa bàn, tỉnh, thành phố có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc/và các địa phương có diện tích tự nhiên lớn hơn mức bình quân chung (lớn hơn 5.000 km<sup>2</sup>)<sup>6</sup> hoặc/và đóng trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trở lên được bổ sung thêm 01-02 xe vào định mức. Đối với các đơn vị có đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên thì không tính số biên chế của các đơn vị trực thuộc này vào biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh để xác định định mức sử dụng xe ô tô mà cứ mỗi đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên được bổ sung 01 xe vào định mức của đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương: Đây là các đơn vị được giao quyền tự chủ lớn; vì vậy, được xác định định mức xe được quy định riêng căn cứ vào số biên chế được giao. Trong đó, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy

<sup>5</sup> Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

<sup>6</sup> Có 29 địa phương có diện tích > 5.000 km<sup>2</sup>, gồm: Quảng Ninh, Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Lạng Sơn, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Nai, Kiên Giang, Cà Mau.

nghe thường có số biên chế lớn hơn các đơn vị sự nghiệp của các lĩnh vực khác; do đó, số biên chế để xác định mức sử dụng xe cao hơn so với các đơn vị sự nghiệp công lập khác.

- Về định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Tổng cục và tương đương (gọi chung là Tổng cục): Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Tổng cục cũng được chia thành các nhóm: Cục, Vụ, Ban thuộc Tổng cục, các đơn vị trực thuộc Tổng cục đóng trên địa bàn cấp tỉnh (đối với Tổng cục được tổ chức theo ngành dọc<sup>7</sup>), các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục. Tiêu chí xác định định mức xe ô tô của từng nhóm được áp dụng tương tự với: Vụ, Cục thuộc, trực thuộc Bộ; các đơn vị trực thuộc Bộ đóng trên địa bàn cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ.

e) Về định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh

- Đối với khối các Văn phòng (Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội): Theo định mức hiện hành, số xe ô tô của các Văn phòng này được quy định tối đa là 06 xe; các tỉnh, thành phố mà các Văn phòng có trụ sở đóng trên địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thì tối đa là 09 xe. Tuy nhiên, số lượng chức danh có tiêu chuẩn, sử dụng xe ô tô của các cơ quan này lớn, tính chất công việc phức tạp, khối lượng công việc nhiều. Vì vậy, trên cơ sở đề nghị của các địa phương, Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ và được Lãnh đạo Chính phủ thống nhất nguyên tắc phê duyệt định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù (ngoài số xe phục vụ công tác chung) cho khối văn phòng cấp tỉnh là 06 xe/địa phương (riêng Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh là 08 xe/địa phương). Tại Dự thảo Nghị định đã chuyển loại xe chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù sang nhóm xe phục vụ công tác chung; Vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định định mức cho khối các Văn phòng cấp tỉnh tối đa 12 xe/địa phương; riêng Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là 20 xe/địa phương (do có biên chế và số lượng cấp phó của các đơn vị lớn). Các Ban của HĐND cấp tỉnh sử dụng xe chung với Văn phòng HĐND cấp tỉnh. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn hoặc/và có diện tích tự nhiên trên 5.000 km<sup>2</sup> thì được bổ sung định mức 03 xe (mỗi Văn phòng cộng thêm 01 xe).

- Đối với các cơ quan, đơn vị của Đảng ở cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp của Đảng), tuy có số lượng biên chế ít so với các Văn phòng và Sở, ban, ngành cấp tỉnh, song tính chất công việc quan trọng, thường xuyên phải sử dụng phương tiện đi lại để nắm địa bàn, cơ sở, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, tuyên giáo, dân vận,... Vì vậy, tại Dự thảo Nghị định cũng quy định

<sup>7</sup> Tổng cục Quản lý thị trường (Bộ Công thương); Tổng cục Thi hành án dân sự (Bộ Tư pháp); Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Kho bạc Nhà nước (Bộ Tài chính).

số lượng xe được xác định căn cứ vào số biên chế nhưng số lượng biên chế để được định mức 01 xe thấp hơn so với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh.

- Đối với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập):

Tại Nghị định số 04 quy định mỗi Sở, ban, ngành cấp tỉnh (không bao gồm các đơn vị thuộc, trực thuộc) được định mức 01 hoặc 02 xe tùy thuộc vào địa bàn đóng trụ sở, các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở, ban, ngành cấp tỉnh (kể cả có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe) không được trang bị xe ô tô. Vì vậy, thực tế số xe này rất thấp so với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Để giải quyết nhu cầu phương tiện phục vụ công tác, nhiều địa phương phải bổ sung định mức xe ô tô chuyên dùng (loại bán tải) hoặc báo cáo Thủ tướng để trang bị xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù để đảm bảo yêu cầu phục vụ công tác.

Tại dự thảo Nghị định, định mức sử dụng xe ô tô của Sở, ban, ngành cấp tỉnh cũng được xác định theo số biên chế của từng Sở, ban, ngành (bao gồm cả biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc - nếu có) với mức tối thiểu là 01 xe/01 đơn vị (đơn vị có số biên chế đến 40 người) và tối đa là 06 xe/01 đơn vị (đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 trở lên).

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh: Tiêu chí xác định số lượng xe ô tô của các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và số lượng xe ô tô trang bị tương ứng với số lượng biên chế được giao tương tự các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ, cơ quan trung ương và Tổng cục.

g) Về định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện

Theo quy định tại Nghị định số 04, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Huyện ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng UBND cấp huyện tối đa là 03 xe/huyện; riêng các huyện miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có định mức tối đa là 06 xe/huyện. Tuy nhiên, do phải trực tiếp giải quyết các vấn đề liên quan đến cơ sở, người dân, nên các huyện có định mức 03 xe cho 03 văn phòng không đáp ứng được yêu cầu công tác. Nhiều địa phương phải bổ sung định mức xe ô tô chuyên dùng cho các đơn vị cấp huyện để phục vụ công tác phòng, chống lụt bão, tuyên truyền, cổ động và các hoạt động đặc thù khác của cấp huyện (xe bán tải); một số địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ để phê duyệt định mức xe chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù cho cấp huyện.

Để phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tế nêu trên, dự thảo đã bổ sung các chức danh: Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện vào định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung; chuyển xe ô tô bán tải, xe ô tô chuyên dùng khác sang xe ô tô phục vụ công tác chung; trên cơ sở đó, quy định định mức xe ô tô phục vụ công tác chung cho tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện tối đa là 06

xe/huyện; đối với các huyện có trên 15 đơn vị hành chính là xã, thị trấn<sup>8</sup> hoặc/và huyện có trụ sở trên địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn hoặc/và thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương có định mức là 07 xe/huyện.

Ngoài ra, để phù hợp với một số địa phương là đô thị đặc biệt (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh) thực tế cần trang bị xe bán tải cho cấp phường, xã, thị trấn để phục vụ nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật, đảm bảo công tác an ninh trật tự, an toàn phòng chống cháy nổ, trật tự an toàn xã hội, phòng chống dịch, khắc phục hậu quả thiên tai với tình hình diễn biến dịch bệnh và cháy nổ thời gian qua, cần thiết trang bị thêm xe ô tô thì ngoài số lượng xe được trang bị như nêu trên, trường hợp các địa phương thuộc đô thị đặc biệt cần thiết trang bị thêm xe ô tô để phục vụ công tác chung trên địa bàn, Hội đồng nhân dân các Thành phố quyết định định mức xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

h) Về phương thức quản lý xe ô tô: Nghị định 04 quy định “cứng” phương thức quản lý xe ô tô tập trung đối với khối các Cục, Vụ và tương đương (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập) ở cấp Bộ, cấp Tổng cục và khối các văn phòng cấp huyện. Quy định này chưa đảm bảo tính linh hoạt, chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, công tác quản lý, hạch toán, thanh toán chi phí phức tạp, đặc biệt là các đơn vị có dự toán riêng, hạch toán độc lập. Vì vậy, dự thảo Nghị định vẫn duy trì 02 phương thức quản lý xe ô tô (tập trung, trực tiếp) nhưng đối với các trường hợp nêu trên, Dự thảo Nghị định quy định giao cho Bộ trưởng, Tổng cục trưởng, UBND cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh), UBND cấp huyện (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban thường vụ Huyện ủy, Hội đồng nhân dân cấp huyện) quyết định phương thức quản lý cho phù hợp với tình hình thực tế, khả năng quản lý. Riêng đơn vị sự nghiệp có định mức sử dụng xe ô tô, dự thảo Nghị định quy định đơn vị trực tiếp quản lý để bảo đảm cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

i) Về số lượng xe ô tô cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Dự thảo Nghị định lấy tiêu chí biên chế là tiêu chí tổng hợp, kết hợp với một số tiêu chí khác để xác định số lượng xe ô tô tối đa theo định mức của từng đơn vị. Tuy nhiên, các tiêu chí đó có thể cũng chưa thể bao quát hết các yếu tố tác động đến nhu cầu sử dụng xe ô tô của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị. Vì vậy, đối với xe ô tô của các đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Bộ, Tổng cục; các đơn vị trực thuộc Bộ, trực thuộc Tổng cục đóng trên địa bàn cấp tỉnh (đối với Bộ, Tổng cục được tổ chức theo hệ thống dọc) và các Sở, ban, ngành cấp tỉnh thì Bộ trưởng, Tổng cục trưởng, UBND cấp tỉnh được quyết định số lượng xe ô tô cụ thể (định mức) được sử dụng của từng đơn vị nhưng không được vượt quá tổng số lượng xe ô tô xác định theo cách tính tại dự thảo.

<sup>8</sup> Tính bình quân trong cả nước, mỗi huyện có số đơn vị cấp xã là 15.

k) Về định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các doanh nghiệp nhà nước: Được giữ nguyên theo quy định tại Nghị định số 04 vì quá trình thực hiện chưa phát sinh vướng mắc.

l) Về định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Ban quản lý dự án và hoạt động của dự án

- Đối với xe phục vụ công tác chung của Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước: Giữ nguyên như Nghị định số 04.

- Đối với xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án: Cơ bản được giữ nguyên như quy định tại Nghị định số 04; đồng thời có sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn như: Thể hiện rõ hình thức trang bị xe phục vụ hoạt động của dự án ODA, vốn vay ưu đãi, vốn vay thương mại, viện trợ không hoàn lại; trang bị xe ô tô phục vụ giai đoạn chuẩn bị đầu tư; không trang bị xe phục vụ dự án theo hình thức PPP...

m) Về giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung:

Quy định về giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung đã được duy trì từ năm 2010 cho đến nay. Trong bối cảnh, thời gian sử dụng của xe ô tô theo chế độ đã được điều chỉnh từ 10 năm thành 15 năm, hệ thống đường bộ đã được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp để xe lưu thông với vận tốc cao, đồng thời giá mua xe hiện nay đã có biến động tăng so với năm 2010. Vì vậy, để đảm bảo an toàn cho xe và người sử dụng xe, việc điều chỉnh giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung là cần thiết. Qua khảo sát giá mua mới của dòng xe được sử dụng phổ biến để phục vụ công tác chung, Bộ Tài chính trình Chính phủ mức giá mua xe loại 1 cầu tối đa là 950 triệu đồng/xe<sup>9</sup>; trường hợp cần trang bị loại xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ 2 cầu, mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe<sup>10</sup>; xe từ 12-16 chỗ ngồi, mức giá tối đa là 1.300 triệu đồng/xe.<sup>11</sup>

Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu đi công tác theo Đoàn thể chỉ đạo phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, phòng chống lụt bão, thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn, kiểm soát dịch bệnh..., dự thảo Nghị định quy định các bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được trang bị một số xe (trong tổng số xe đã được xác định theo định mức) với mức giá cao hơn. Trong đó, các Bộ, cơ quan trung ương có các chức danh

<sup>9</sup> Mức giá này được xây dựng trên cơ sở tham khảo mức giá của các dòng xe như sau: Toyota Innova (từ 750 - 989 triệu đồng), Toyota Altis (từ 719 - 860 triệu đồng); Mazda 3 (từ 669 - 849 triệu đồng); Mazda 6 (từ 889 - 1.049 triệu đồng); Mazda CX3 (từ 729 - 909 triệu đồng), Mazda CX5 (từ 839 - 1.059 triệu đồng), Mazda bán tải BT-50 (từ 789 - 849 triệu đồng); Ford Ranger (từ 811 đến 937 triệu đồng); Honda Civic (từ 735 - 775 triệu đồng); Hyundai (từ 750 - 769 triệu đồng); VinFast điện (từ 690 triệu đồng), VinFast xăng (từ 1.552 - 1.642 triệu đồng).

<sup>10</sup> Mức giá này được xây dựng trên cơ sở tham khảo mức giá của các dòng xe như sau: Toyota Fortuner (từ 1.388 - 1.426 triệu đồng); Ford Everest (từ 1.099 - 1.452 triệu đồng); Mazda CX8 (từ 999 - 1.259 triệu đồng); Ford Everest (từ 1.412 - 1.452 triệu đồng); Vinfast xăng (từ 1.835-4.600 triệu đồng), VinFast điện (từ 1.508 - 1.668 triệu đồng), Mercedes (từ 1.749 - 2.399 triệu đồng).

<sup>11</sup> Mức giá này được xây dựng trên cơ sở tham khảo mức giá của các dòng xe như sau: Ford Transit (từ 800 - 1.195 triệu đồng); Hyundai Solati 2021 (970 triệu đồng); Mercedes Benz Sprinter (từ 1.198 - 1.260 triệu đồng).

là lãnh đạo chủ chốt và lãnh đạo cấp cao sẽ do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Ngoài ra, mỗi Bộ/địa phương được trang bị 02 xe có mức giá cao hơn (01 xe 4.200 triệu đồng và 01 xe 2.800 triệu đồng<sup>12</sup>).

*(Quy định trên là cụ thể hóa về định mức xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cho các bộ, ngành, địa phương thời gian vừa qua theo quy định tại Nghị định số 04 nhưng có điều chỉnh mức giá cho phù hợp).*

### **2.3. Mục 3. Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (02 điều, Điều 16 và Điều 17)**

Mục này quy định về danh mục xe ô tô chuyên dùng và thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng.

Về danh mục xe ô tô chuyên dùng: Để bảo đảm đúng tính chất chuyên dùng của xe ô tô, đồng thời nâng cao hiệu quả trang bị, sử dụng xe ô tô, dự thảo Nghị định giữ lại 05/07 loại xe chuyên dùng quy định tại Nghị định số 04 gồm: xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế; xe ô tô có kết cấu đặc biệt; xe gắn thiết bị chuyên dùng hoặc gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật; xe ô tô tải; xe ô tô trên 16 chỗ ngồi; chuyên 02 loại xe có tính chất lưỡng tính (xe bán tải và xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù) sang xe ô tô phục vụ công tác chung.

Về thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (sau khi đã chuyển 02 loại xe sang xe ô tô phục vụ công tác chung): Cơ bản được giữ như quy định tại Nghị định số 04, ngoài ra có điều chỉnh một số nội dung gồm:

+ Về thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng ở trung ương: Để tăng cường tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các Bộ, cơ quan trung ương, dự thảo bỏ quy định các Bộ, cơ quan trung ương phải lấy ý kiến của Bộ Tài chính trước khi ban hành.

+ Về thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của cấp tỉnh: Dự thảo quy định phải có ý kiến thống nhất của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (thay cho Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) để nâng cao tính pháp lý.

+ Về thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư: Điều chỉnh thẩm quyền ban hành sang Hội đồng quản lý đối với đơn vị sự nghiệp công lập đã có Hội đồng quản lý.

<sup>12</sup> Các mức giá này được xây dựng trên cơ sở tham khảo mức giá của các dòng xe như sau: Toyota Land Cruiser LC300 2021 (4.100 triệu đồng), Toyota Land Cruiser Prado (2.588 triệu đồng), Mercedes GLC 4MATIC (từ 2.039 - 2.399 triệu đồng), Ford Explorer Limited (2.366 triệu đồng)...

+ Bãi bỏ quy định về việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù để phù hợp với danh mục xe ô tô chuyên dùng mới.

#### **2.4. Mục 4. Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước (02 điều, Điều 18, Điều 19)**

Mục này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước và thay thế xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước. Quy định này được giữ nguyên như quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định số 04 do quá trình thực hiện chưa phát sinh vướng mắc.

### **3. Chương III. Khoán kinh phí sử dụng xe ô tô và thuê dịch vụ xe ô tô**

Chương này gồm 2 Điều (Điều 20, Điều 21) quy định về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô (đối tượng thực hiện khoán, công đoạn khoán, hình thức và mức khoán, đơn giá khoán, nguồn kinh phí khoán, thẩm quyền quyết định) và thuê dịch vụ xe ô tô (trường hợp áp dụng, thẩm quyền quyết định, giá thuê). Các nội dung của Chương này được kế thừa quy định tại Chương III Nghị định số 04, chỉ điều chỉnh một số vấn đề về kỹ thuật văn bản cho thống nhất.

#### **4. Chương 4. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô**

Chương này gồm 02 Điều (Điều 22 và Điều 23) quy định về sắp xếp lại, xử lý đối với xe ô tô phục vụ chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng. Trong đó:

- Việc sắp xếp lại, xử lý đối với xe ô tô phục vụ chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung được kế thừa quy định tại Điều 25 Nghị định số 04.

- Đối với việc sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng, do Dự thảo Nghị định giữ nguyên quy định về 04 loại xe chuyên dùng; điều chỉnh chi tiết 01 loại xe; chuyển 02 loại xe sang xe ô tô phục vụ công tác chung. Vì vậy, Điều 23 Dự thảo quy định đối với các loại xe chuyên dùng không thay đổi so với quy định tại Nghị định số 04 thì cho phép tiếp tục thực hiện theo các Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức trước đây, không phải ban hành lại; nếu chưa ban hành theo Nghị định số 04 thì phải ban hành theo quy định tại Nghị định này để làm căn cứ trang bị, sắp xếp, xử lý xe ô tô. Đối với các loại xe không còn thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng nhưng có thể sử dụng để phục vụ công tác chung thì được chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung để sắp xếp, xử lý theo quy định tại Điều 22 Dự thảo; số còn lại thực hiện xử lý theo các hình thức quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật. Các quy định nêu trên sẽ tạo cơ sở pháp lý để đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, khắc phục tình trạng chậm xử lý khi thực hiện Nghị định số 04.

#### **5. Chương V. Điều khoản thi hành**

Chương này gồm có 02 Điều (Điều 24 và Điều 25) quy định các nội dung chủ yếu sau đây:

- Về việc xử lý chuyển tiếp (Điều 24): Do Dự thảo Nghị định quy định điều chỉnh mức giá mua xe ô tô chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung;



vì vậy, để tránh việc thay thế xe khi chưa đủ điều kiện thanh lý, Điều 24 dự thảo Nghị định quy định các xe ô tô chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung (gồm cả số xe chuyên dùng chuyển sang) đã được trang bị thì tiếp tục sử dụng làm xe chức danh, xe phục vụ công tác chung cho đến khi đủ điều kiện thay thế, thanh lý.

- Về điều khoản thi hành (Điều 25): Dự thảo Nghị định quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao và các Bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh, Tập đoàn kinh tế trong việc tổ chức thực hiện Nghị định. Các nội dung này cơ bản được kế thừa quy định tại Nghị định số 04, có bổ sung nội dung các Bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh, Tập đoàn kinh tế có trách nhiệm tổ chức xác định số lượng xe ô tô được sử dụng của các cơ quan, tổ chức đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo đúng tiêu chuẩn, định mức, thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý và Bộ Tài chính được biết.

## VI. BẢO ĐẢM NGUỒN LỰC THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH

1. Kinh phí liên quan đến việc trang bị xe ô tô: Với cách quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô như dự thảo Nghị định, số xe ô tô phục vụ công tác chung sẽ tăng lên nhưng số lượng xe ô tô chuyên dùng sẽ giảm đi, tổng số lượng xe ô tô công không có nhiều thay đổi. Đồng thời, với việc điều chỉnh danh mục xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng, đa dạng hóa mục đích sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung (vừa sử dụng cho các hoạt động thông thường, vừa sử dụng để phục vụ các nhiệm vụ đặc thù), sẽ nâng cao hiệu quả, tần suất sử dụng xe, hạn chế hao mòn vô hình do sử dụng không thường xuyên, giảm chi phí khoán hoặc thuê xe ô tô.

Tuy nhiên, để bảo đảm việc trang bị xe có lộ trình thích hợp, phù hợp với điều kiện thực tế, tại khoản 10 Điều 3 dự thảo quy định: *“Số lượng và mức giá mua xe ô tô quy định tại Nghị định này là số lượng và mức giá tối đa. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ được giao và nguồn hình thành tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, nguồn kinh phí thực hiện mua sắm (ngân sách nhà nước, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn kinh phí khác được phép sử dụng), cơ quan, người có thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, mua sắm xem xét, quyết định số lượng và mức giá mua xe phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả”*.

2. Kinh phí liên quan đến lái xe: Theo tính toán trên cơ sở số liệu do các bộ, cơ quan trung ương, địa phương cung cấp, tổng số xe theo tiêu chuẩn, định mức không tăng nhiều so với số xe hiện có. Vì vậy, số lượng lái xe của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể có sự thay đổi nhưng tổng số nhu cầu về lái xe vẫn cơ bản giữ như hiện nay.

## VII. VỀ Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Theo quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định và có Công văn số...../BTC-QLCS ngày

.../9/2022 gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội có đảng đoàn, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; đồng thời, đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Trang thông tin về tài sản công để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định. Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến bằng văn bản của ..... Bộ, ngành,... địa phương,... Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước.

Về cơ bản các ý kiến tham gia đều thống nhất với sự cần thiết ban hành Nghị định và nội dung của dự thảo Nghị định. Các ý kiến tham gia bổ sung đã được Bộ Tài chính tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

### **VIII. VỀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (*đính kèm*).

Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, ban hành./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- TTgCP Phạm Minh Chính (để b/c);
- Phó TTgCP Lê Minh Khái (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, QLCS. (06)

**BỘ TRƯỞNG**

**Hồ Đức Phúc**

**NGHỊ ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**Dur thảo 2**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô; thuê dịch vụ xe ô tô và sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, gồm:

- a) Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh;
- b) Xe ô tô phục vụ công tác chung;
- c) Xe ô tô chuyên dùng;
- d) Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

3. Xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép áp dụng hoặc vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp được thực hiện như sau:

a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh được áp dụng theo quy định tại Nghị định này;

b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) xem xét, quyết định để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp

dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Doanh nghiệp do Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm cả các doanh nghiệp cấp 2, cấp 3, cấp 4 do doanh nghiệp cấp 1, cấp 2, cấp 3 nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước).

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức và thay thế xe ô tô phục vụ công tác**

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này được sử dụng làm căn cứ để: lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô.

2. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh, chức vụ có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ chế độ, chuyển công tác hoặc thôi giữ chức vụ mà xe ô tô đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế, thanh lý theo quy định thì người kế nhiệm tiếp tục sử dụng, không trang bị mới, trừ trường hợp xe ô tô được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết đang đảm nhiệm vị trí công tác nào thì được áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo chức vụ đang công tác.

Trường hợp chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý, chỉ huy trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác chưa được quy định cụ thể tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị định này thì khi cơ quan có thẩm quyền quy định chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị định này được áp dụng tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh tương ứng.

3. Xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định này được trang bị, thay thế theo yêu cầu công tác; xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước được thay thế theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

Việc xử lý xe ô tô cũ khi thay thế quy định tại khoản này được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

4. Xe ô tô không thuộc quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này được thanh lý khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Đã quá thời gian sử dụng theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định;

b) Đã sử dụng trên 200.000 km đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước có trụ sở chính đóng trên địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố có trên 50% đơn vị hành chính cấp huyện thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Đã sử dụng trên 250.000 km đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước còn lại.

c) Chưa đủ điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự toán chi phí sửa chữa lớn hơn 30% so với nguyên giá).

5. Giá mua xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm: lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; lệ phí đăng ký, cấp biển phươg tiện giao thông; phí bảo hiểm; phí đăng kiểm; phí sử dụng đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.

Trường hợp quá 01 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, giá xe ô tô trên thị trường có biến động tăng, Bộ, cơ quan trung ương, Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng thành viên, Hội đồng Quản trị Tập đoàn kinh tế được xem xét, quyết định giá mua xe ô tô cao hơn nhưng mức giá tăng thêm không vượt quá 10% so với mức giá theo quy định tại Nghị định này đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

Giá xe ô tô làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức trong trường hợp giao, điều chuyển xe ô tô đã qua sử dụng là giá trị còn lại trên sổ kế toán hoặc giá trị đánh giá lại theo quy định của pháp luật (đối với xe ô tô chưa được theo dõi giá trị trên sổ kế toán hoặc trường hợp phải đánh giá lại khi xử lý theo quy định của pháp luật). Trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao, điều chuyển xe ô tô đã qua sử dụng có giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại cao hơn giá mua xe ô tô mới quy định tại Nghị định này theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

6. Số biên chế làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị là số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt và số lượng người làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc - nếu có) được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

7. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương và các cơ quan, đơn vị thuộc: Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ thực hiện theo quy định tại Nghị định này; trường hợp số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Nghị định này thấp hơn số xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô bán tải, xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô thì số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung được xác định bằng số xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô bán tải, xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP.

8. Xe ô tô chuyên dùng phải được sử dụng theo đúng mục đích được xác định cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp có thể bố trí sử dụng kết hợp để phục vụ công tác chung mà không ảnh hưởng đến mục đích chính của xe chuyên dùng thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép sử dụng kết hợp nhưng phải cân đối số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phải được quy định cụ thể khi ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

9. Các hội quán chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (các tổ chức hội có đảng đoàn) được xem xét, hỗ trợ trang bị xe ô tô phục vụ chức danh theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định này. Việc hỗ trợ kinh phí để mua xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc điều chuyển xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Không bán, chuyển nhượng, thanh lý hoặc các hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với xe ô tô được Nhà nước hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều này khi chưa đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định này.

10. Số lượng và mức giá mua xe ô tô quy định tại Nghị định này là số lượng và mức giá tối đa. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ được giao và nguồn hình thành tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, nguồn kinh phí thực hiện mua sắm (ngân sách nhà nước, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn kinh phí khác được phép sử dụng), cơ quan, người có thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, mua sắm xem xét, quyết định số lượng và mức giá mua xe phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

## **Chương II** **TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ**

### **Mục 1** **Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh**

**Điều 4. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô, kể cả khi đã nghỉ công tác, không quy định mức giá**

1. Tổng Bí thư.
2. Chủ tịch nước.
3. Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch Quốc hội.

**Điều 5. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, không quy định mức giá**

1. Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội.

2. Chế độ trang bị:

a) Trường hợp mua mới xe ô tô, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủng loại, giá mua xe ô tô trang bị cho các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

b) Trường hợp trang bị theo hình thức giao, điều chuyển xe ô tô, cơ quan, người có thẩm quyền giao, điều chuyển xe ô tô theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công quyết định việc giao, điều chuyển xe ô tô để trang bị cho các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này. Trình tự, thủ tục giao, điều chuyển xe ô tô thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công

**Điều 6. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, có quy định mức giá<sup>1</sup>:**

1. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.600 triệu đồng/xe, gồm: Ủy viên Trung ương Đảng chính thức; Trưởng ban, cơ quan đảng ở Trung ương; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Tổng thư ký, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Trưởng ban Công tác đại biểu, Trưởng ban Dân nguyện thuộc Thường vụ Quốc hội).

---

<sup>1</sup> Phương án 2: Mỗi nhóm chức danh, chức vụ quy định 01 mức giá (như cách quy định hiện hành tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP); theo đó, nhóm 2 (cấp Các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị quản lý) quy định mức giá 1.550 triệu đồng.

2. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.550 triệu đồng/xe, gồm: Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Tổng kiểm toán Nhà nước; Trưởng tổ chức chính trị - xã hội Trung ương được ngân sách nhà nước được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy Khối trực thuộc Trung ương; Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.500 triệu đồng/xe, gồm: Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học công nghệ Việt Nam; Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.

**Điều 7. Chức danh được sử dụng xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và đi công tác, có quy định mức giá<sup>2</sup>**

1. Các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô gồm:

a) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.450 triệu đồng/xe, gồm: Phó trưởng ban, cơ quan đảng ở Trung ương; Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Tổng Biên tập Báo Nhân Dân; Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc; Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

b) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.400 triệu đồng/xe, gồm: Thứ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Phó Tổng kiểm toán Nhà nước; Phó trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; Bí thư thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy khối trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn); Trợ lý các lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; Trợ lý Thường trực Ban Bí thư.

<sup>2</sup> Phương án 2: Mỗi nhóm chức danh, chức vụ quy định 01 mức giá (như cách quy định hiện hành tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP); theo đó, các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này được quy định chung mức giá là: 1.350 triệu đồng.



c) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.350 triệu đồng/xe, gồm: Viện trưởng Viện Nghiên cứu lập pháp thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Trưởng Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Chủ tịch Ủy ban giám sát tài chính quốc gia; Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

d) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.300 triệu đồng/xe, gồm: Tổng cục trưởng; Phó Trưởng Ban Công tác đại biểu, Phó Trưởng ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học công nghệ Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam; Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Ủy viên Thường trực Hội đồng Dân tộc, Ủy viên Thường trực các Ủy ban của Quốc hội; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy viên Thường trực Tiểu ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các tập đoàn, tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (sau đây gọi là Tập đoàn kinh tế);

đ) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.250 triệu đồng/xe, gồm: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy viên Ban Biên tập Báo Nhân Dân; Ủy viên Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Trưởng ban chuyên trách hoặc ủy viên chuyên trách các ban chỉ đạo ở Trung ương; Phó Trưởng ban chuyên trách hoặc ủy viên chuyên trách các ban chỉ đạo do Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ làm trưởng ban chỉ đạo; Trợ lý các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước.

e) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.200 triệu đồng/xe, gồm: Tổng Biên tập Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam; Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Giám đốc Truyền hình Quốc hội; Tổng Giám đốc Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Phó Chánh Văn phòng Ban Cán sự đảng Chính phủ, Phó Chánh văn phòng Đảng đoàn Quốc hội; Phó Bí thư chuyên trách công tác đảng ở các Đảng ủy: Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Bộ Ngoại giao, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Trường hợp các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng thành viên, Hội đồng Quản trị Tập đoàn kinh tế căn cứ tình hình thực tế của cơ

quan, tổ chức, đơn vị, tập đoàn kinh tế, phương án nhận khoán và số lượng chức danh nhận khoán kinh phí để xem xét, quyết định việc khoán kinh phí và số lượng xe ô tô trang bị, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả giữa việc bố trí xe ô tô phục vụ công tác với việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

Trường hợp tất cả các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này của từng Bộ, cơ quan trung ương, Tổng cục, Tỉnh ủy, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tập đoàn kinh tế áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho toàn bộ công đoạn thì không trang bị xe ô tô phục vụ chức danh.

## Mục 2

### Xe ô tô phục vụ công tác chung

#### Điều 8. Đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải) để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này.

2. Các đối tượng sau đây được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước giao (không sử dụng để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại):

a) Chức danh Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng và tương đương; Phó Vụ trưởng và tương đương;

b) Chức danh Ủy viên (Thành viên) Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế; Giám đốc, Phó giám đốc và các chức danh tương đương tại doanh nghiệp nhà nước.

c) Chức danh Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy, Quận ủy, Thành ủy, Thị ủy; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Cán bộ, công chức, viên chức được giao thực hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác cần bố trí xe ô tô cho các đối tượng không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này đi công tác thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước xem xét, quyết định.

4. Các đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định này.

## **Điều 9. Xe ô tô phục vụ công tác chung của Cục, Vụ và tổ chức tương đương thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương**

1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Cục, Vụ và tổ chức tương đương (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế đến 25 người: Tối đa 01 xe/02 đơn vị. Riêng đối với các đơn vị có số biên chế dưới 10 người thì gộp chung số biên chế vào số biên chế của Văn phòng Bộ, cơ quan trung ương để xác định định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Bộ, cơ quan trung ương;

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 25 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị;

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị;

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị;

e) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị;

g) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người trở lên: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.

2. Đối với Bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc<sup>3</sup> thì định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế đến 40 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 300 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 400 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.

e) Đơn vị có số biên chế từ trên 400 người đến 500 người: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.

g) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người trở lên thì cứ 300 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.

h) Trường hợp đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc đóng trên địa bàn từ

<sup>3</sup> Gồm: Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố có diện tích tự nhiên từ 5.000 km<sup>2</sup> trở lên<sup>4</sup> thì ngoài số lượng xe được xác định theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này được bổ sung định mức 01 xe nếu thỏa mãn 01 điều kiện, được bổ sung định mức 02 xe nếu thỏa mãn từ 02 điều kiện trở lên.

i) Đối với các đơn vị có đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên thì xác định định mức như sau:

- Không tính số biên chế của các đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên vào biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh để xác định định mức sử dụng xe ô tô theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản này.

- Cứ mỗi đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên thì được bổ sung 01 xe vào định mức của đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh.

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ, cơ quan trung ương (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề) được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị;

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị;

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị;

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị;

e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế đến 100 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị;

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị;

<sup>4</sup> Có 29 địa phương có diện tích > 5.000 km<sup>2</sup>, gồm: Quảng Ninh, Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Lạng Sơn, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Nai, Kiên Giang, Cà Mau.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị;

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị;

e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người: Tối đa 06 xe/01 đơn vị;

5. Về phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung:

a) Đối với các Cục, Vụ và tổ chức tương đương quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ, cơ quan trung ương quyết định giao cho một cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp công ích thực hiện quản lý xe ô tô theo phương thức tập trung để bố trí cho các đối tượng được sử dụng xe phục vụ công tác chung theo nguyên tắc không thành lập mới, không làm tăng biên chế của Bộ, cơ quan trung ương (gọi là phương thức quản lý tập trung); đối với các đơn vị có dự toán riêng thì có thể giao cho từng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị (gọi là phương thức quản lý trực tiếp); số lượng xe ô tô giao cho từng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định nhưng tổng số xe ô tô phục vụ công tác chung không được vượt quá số lượng xe được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với các đơn vị đóng trên địa bàn cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều này, việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung được thực hiện theo phương thức quản lý trực tiếp; số lượng xe ô tô giao cho từng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định nhưng tổng số xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị đóng trên địa bàn cấp tỉnh không được vượt quá số lượng xe được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung được thực hiện theo phương thức quản lý trực tiếp. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp do Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có số biên chế dưới 25 người thì không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung; trường hợp có đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Điều 8 Nghị định này thì thực hiện khoản kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác.

d) Đối với các đơn vị được giao trực tiếp quản lý xe ô tô quy định tại các điểm a, b, c khoản này mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị quy định tại điểm a, b và c khoản này quyết định phương thức quản lý tập trung hoặc phương thức quản lý trực tiếp hoặc kết hợp cả hai phương thức cho phù hợp.

**Điều 10. Xe ô tô phục vụ công tác chung của Tổng cục và tổ chức tương đương (sau đây gọi là Tổng cục)**

1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Cục, Vụ, Ban và tổ chức tương đương (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc, trực thuộc Tổng cục được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế đến 25 người: Tối đa 01 xe/02 đơn vị. Riêng đối với các đơn vị có số biên chế dưới 10 người thì gộp chung số biên chế của đơn vị này vào số biên chế của Văn phòng Tổng cục để xác định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Tổng cục;

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 25 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị;

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

2. Đối với Tổng cục được tổ chức theo ngành dọc<sup>5</sup> thì định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục đóng trên địa bàn cấp tỉnh được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế đến 40 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 300 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 400 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.

e) Đơn vị có số biên chế từ trên 400 người đến 500 người: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.

g) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người trở lên thì cứ 300 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.

h) Trường hợp đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc đóng trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố có diện tích tự nhiên từ 5.000 km<sup>2</sup> trở lên thì ngoài số lượng xe được xác định theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này được bổ sung định mức 01 xe nếu thỏa mãn 01 điều kiện, được bổ sung định mức 02 xe nếu thỏa mãn từ 02 điều kiện trở lên.

i) Đối với các đơn vị có đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên thì xác định định mức như sau:

- Không tính số biên chế của các đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên vào biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục đóng trên

<sup>5</sup> Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thống kê, Tổng cục Thi hành án Dân sự, Tổng cục Quản lý thị trường.

địa bàn cấp tỉnh để xác định định mức sử dụng xe ô tô theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản này.

- Cứ mỗi đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên thì được bổ sung 01 xe vào định mức của đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục trên địa bàn cấp tỉnh.

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề) trực thuộc Tổng cục được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị;
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị;
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị;
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị;
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/đơn vị

4. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề trực thuộc Tổng cục được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế đến 100 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị;
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị;
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị;
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị;
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người: Tối đa 06 xe/01 đơn vị;

5. Về phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung

a) Đối với các Cục, Vụ, Ban và tổ chức tương đương quy định tại khoản 1 Điều này, Tổng cục quyết định giao cho một cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp công ích thực hiện quản lý xe ô tô theo phương thức tập trung để bố trí cho các đối tượng được sử dụng xe phục vụ công tác chung theo nguyên tắc không thành lập mới, không làm tăng biên chế của Tổng cục (gọi là phương thức quản lý tập trung); đối với các đơn vị có dự toán

riêng thì có thể giao cho từng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị (gọi là phương thức quản lý trực tiếp), số lượng xe ô tô cụ thể giao cho từng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng do Tổng cục trưởng quyết định nhưng không được vượt quá tổng số xe phục vụ công tác chung được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với các đơn vị đóng trên địa bàn cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều này, việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 Nghị định này; số lượng xe ô tô giao cho từng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng do Tổng cục trưởng quyết định nhưng tổng số xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị đóng trên địa bàn cấp tỉnh không được vượt quá số lượng xe được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này, việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9 Nghị định này.

d) Đối với các đơn vị được giao trực tiếp quản lý xe ô tô quy định tại các điểm a, b và c khoản này mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị quy định tại điểm a, b và c khoản này quyết định phương thức quản lý tập trung hoặc phương thức quản lý trực tiếp hoặc kết hợp cả hai phương thức cho phù hợp.

### **Điều 11. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh**

1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối Văn phòng cấp tỉnh (gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương; Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội; Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh): Tổng số tối đa 12 xe; riêng thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh: Tổng số tối đa 20 xe.

Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc/và có diện tích tự nhiên trên 5.000 km<sup>2</sup> thì được bổ sung định mức 03 xe.

Định mức cụ thể của từng Văn phòng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh). Các Ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sử dụng xe ô tô trong định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm này để phục vụ công tác.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương (trừ Văn phòng tỉnh ủy, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy): Tối đa 01 xe/01 đơn vị; trường hợp cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 20 người trở lên: Tối đa 02 xe/01 đơn vị; trường hợp cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.



3. Định mức sử dụng xe ô tô của Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc cấp tỉnh được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế đến 40 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.
- g) Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc/và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên trên 5.000 km<sup>2</sup> thì ngoài số lượng xe được xác định theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này, được bổ sung định mức 01 xe.

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề) được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị;
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị;
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị;
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị;
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/đơn vị.

5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế đến 100 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị;

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị;

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị;

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị;

e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người: Tối đa 06 xe/01 đơn vị;

6. Về phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung:

a) Đối với các cơ quan, tổ chức đơn vị quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quyết định việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo một trong các phương thức sau đây:

- Giao cho một cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp công ích thực hiện quản lý xe ô tô theo phương thức tập trung để bố trí cho các đối tượng được sử dụng xe phục vụ công tác chung theo nguyên tắc không thành lập mới, không làm tăng biên chế của địa phương (gọi là phương thức quản lý tập trung);

- Giao cho Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý xe ô tô tập trung của từng hệ thống để bố trí xe cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác (gọi là phương thức quản lý tập trung theo từng hệ thống);

- Giao cho từng đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị (gọi là phương thức quản lý trực tiếp); trường hợp cần điều chỉnh số lượng xe cụ thể giao cho từng đơn vị để đảm bảo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (sau khi có ý kiến của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) bảo đảm tổng số xe không vượt quá số lượng xe được xác định theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

- Kết hợp phương thức quản lý tập trung và phương thức quản lý trực tiếp.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này, việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung được thực hiện theo phương thức quản lý trực tiếp. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp do Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có số biên chế dưới 25 người thì không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung; trường hợp có đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Điều 8 Nghị định này thì thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác.

c) Đối với các đơn vị được giao trực tiếp quản lý xe ô tô quy định tại các điểm a, điểm b khoản này mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị quy định tại điểm a, điểm b khoản này quyết định phương thức quản lý tập trung hoặc phương thức quản lý trực tiếp hoặc kết hợp cả hai phương thức cho phù hợp.

### **Điều 12. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện**

1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của mỗi quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là huyện): Tối đa 06 xe. Riêng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà Huyện ủy, Quận ủy, Thị ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy thì định mức tối đa là 04 xe/01 huyện.

Đối với các đơn vị đáp ứng ít nhất 01 trong các điều kiện sau đây thì được bổ sung định mức 01 xe/01 huyện:

- a) Huyện có từ 15 đơn vị hành chính là xã, thị trấn trở lên;
- b) Huyện thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
- c) Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

Đối với các đô thị đặc biệt, trường hợp cần thiết phải trang bị thêm xe ô tô để phục vụ công tác chung trên địa bàn, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định định mức xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

2. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau khi xin ý kiến của Ban Thường vụ Huyện ủy và Hội đồng nhân dân cùng cấp) quyết định việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo một trong các phương thức sau đây:

- a) Giao cho Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý xe ô tô tập trung để bố trí phục vụ công tác chung cho các đối tượng của huyện được sử dụng xe ô tô khi đi công tác;
- b) Giao Văn phòng Huyện ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp huyện, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của từng văn phòng, cơ quan, tổ chức, đơn vị.

### **Điều 13. Xe ô tô phục vụ công tác chung của doanh nghiệp nhà nước**

1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của doanh nghiệp nhà nước được xác định như sau:

- a) Đối với Tập đoàn kinh tế: Tối đa 02 xe/01 Tập đoàn;
- b) Doanh nghiệp nhà nước không thuộc quy định tại điểm a khoản này: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

2. Doanh nghiệp nhà nước quản lý xe ô tô để bố trí cho cho các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này khi đi công tác.

**Điều 14. Xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án và hoạt động của dự án**

1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được áp dụng theo định mức tương ứng với mô hình hoạt động (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước) quy định tại Nghị định này; mô hình hoạt động của Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước được xác định theo quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền;

b) Ban quản lý dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này nhưng tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tham gia Ban quản lý dự án theo hình thức kiêm nhiệm thì không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung.

2. Đối với xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án

a) Xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án (bao gồm cả các dự án sử dụng vốn nhà nước, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi, vốn vay thương mại, viện trợ không hoàn lại) là xe ô tô được trang bị để thực hiện nhiệm vụ của từng dự án cụ thể trong thời gian dự án hoạt động, không thuộc xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Căn cứ vào quy mô, địa bàn hoạt động, đặc điểm và nhu cầu của từng dự án, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án thuộc phạm vi quản lý; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp về sự cần thiết trang bị, hình thức trang bị, chủng loại, số lượng, giá mua xe ô tô.

c) Việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và được thực hiện theo hình thức giao, điều chuyển, thuê hoặc mua sắm theo nguyên tắc sau:

- Chỉ trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư nhưng chưa được trang bị xe để phục vụ hoạt động dự án.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư sắp xếp, bố trí trong số xe hiện có để phục vụ hoạt động chuẩn bị đầu tư. Trường hợp không sắp xếp, bố trí được trong tổng số xe hiện có để phục vụ hoạt động chuẩn bị đầu tư thì thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định này.

- Không thực hiện trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP); việc trang bị xe ô tô thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức PPP và pháp luật khác có liên quan.

- Không sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn vay thương mại để mua sắm xe ô tô; trừ việc mua xe ô tô đã quy định cụ thể tại hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Đối với dự án viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mà hiệp định hoặc văn kiện dự án có quy định việc mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án thì việc mua sắm xe ô tô thực hiện theo quy định của hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Khi đàm phán để ký kết văn kiện dự án viện trợ không hoàn lại mà nhà tài trợ yêu cầu phải mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án thì ngoài việc tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục ký kết, gia nhập và thực hiện Điều ước quốc tế, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì lấy ý kiến của cơ quan tài chính nhà nước cùng cấp trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương tiếp nhận dự án.

#### **Điều 15. Giá mua xe ô tô**

1. Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe. Trường hợp cần thiết phải mua xe từ 12-16 chỗ ngồi thì mức giá tối đa là 1.300 triệu đồng/xe. Trường hợp thường xuyên phải đi công tác đến địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được trang bị xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu với mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe.

2. Trường hợp cần trang bị một số xe ô tô 2 cầu có công suất lớn trong số xe phục vụ công tác chung của các Bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong số xe phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 11 Nghị định này để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của Bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gồm: phục vụ công tác phòng chống bão lũ, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, kiểm soát dịch bệnh; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện về các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội; phục vụ đoàn giám sát, tiếp xúc cử tri; phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc; chỉ đạo hoạt động quản lý, cấm mốc biên giới và các nhiệm vụ đặc thù khác) thì mức giá mua xe được quy định như sau:

a) Đối với xe ô tô phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ đặc thù của các chức danh lãnh đạo chủ chốt và lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, giá mua xe tối đa là 4.500 triệu đồng/xe. Số lượng xe cụ thể được áp dụng mức giá này do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

b) Mỗi Bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được định mức tối đa 01 xe với mức giá mua xe tối đa 4.200 triệu đồng/xe và 01 xe với mức giá mua xe tối đa 2.800 triệu đồng/xe.

### Mục 3

#### Xe ô tô chuyên dùng

##### Điều 16. Danh mục xe ô tô chuyên dùng

1. Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, gồm:

a) Xe ô tô cứu thương:

- Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định;
- Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, trang thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe).

b) Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế gồm:

- Xe chụp X.quang lưu động;
- Xe khám, chữa mắt lưu động;
- Xe xét nghiệm lưu động;
- Xe phẫu thuật lưu động;
- Xe lấy máu;
- Xe vận chuyển vắc xin, sinh phẩm;
- Xe ô tô khác được thiết kế dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm.

c) Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế, bao gồm:

- Xe chuyên dùng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ trung và cấp cao;
- Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế
- Xe vận chuyển người bệnh;
- Xe giám định pháp y, xe vận chuyển tử thi;
- Xe chở máy phun và hóa chất lưu động;
- Xe phục vụ phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- Xe phục vụ lấy, vận chuyển mô, tạng để phục vụ công tác cấy ghép mô, tạng cho người;

- Xe vận chuyển bữa ăn cho bệnh nhân tâm thần;
- Xe vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm.

- Xe ô tô gắn mô hình giảng dạy, mô hình mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan;

- Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm.

d) Căn cứ danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại các điểm a, b và c khoản này, Bộ Y tế ban hành quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế.

2. Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe chở tiền, vàng bạc, đá quý; xe trang bị phòng thí nghiệm, xe cần cầu,...).

3. Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh, xe phát thanh truyền hình lưu động, xe thanh tra giao thông, xe phục vụ tang lễ, xe giám sát hải quan,...).

4. Xe ô tô tải.

5. Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi.

### **Điều 17. Thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng**

1. Đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này, căn cứ vào quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế:

a) Các Bộ, cơ quan trung ương ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này;

c) Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trong trường hợp đơn vị sự nghiệp không có Hội đồng quản lý) ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) tại đơn vị.

2. Đối với xe ô tô chuyên dùng quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 16 Nghị định này:

a) Bộ, cơ quan trung ương ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) trang bị cho cơ quan,

tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này;

c) Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trong trường hợp đơn vị sự nghiệp không có Hội đồng quản lý) ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) tại đơn vị.

3. Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và được gửi cơ quan Kho bạc Nhà nước để thực hiện kiểm soát chi theo quy định của pháp luật.

## Mục 4

### Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước

#### **Điều 18. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước**

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước (sau đây gọi là xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước):

a) Xe phục vụ Nguyên thủ, Phó Nguyên thủ Quốc gia, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Tổng Thư ký Liên hợp quốc, Đại sứ nước ngoài trình Quốc thư (sau đây gọi là Nhóm 1): Tối đa 04 xe;

b) Xe phục vụ Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Ngoại giao hoặc tương đương, phu nhân hoặc phu quân của Nguyên thủ, Phó Nguyên thủ Quốc gia, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Nhóm 2): Tối đa 18 xe;

c) Xe phục vụ các Bộ trưởng khác, đoàn viên Đoàn cấp cao, Đoàn viên các Đoàn cấp Phó Nguyên thủ Quốc gia, thành viên Hoàng gia (Hoàng tử, Thái tử, Công chúa,...), Chủ tịch Đảng cầm quyền,... các Đoàn khách mời mang tính chất Nhà nước của các Bộ, cơ quan trung ương và phục vụ cán bộ Việt Nam tham gia đón đoàn (sau đây gọi là Nhóm 3): Tối đa 37 xe;

d) Xe chờ hành lý cho các Đoàn khách quốc tế đến thăm chính thức nước ta và các Đoàn cấp cao của Đảng và Nhà nước ta đi thăm các nước (sau đây gọi là Nhóm 4): Tối đa 03 xe.

2. Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước được trang bị và giao Bộ Ngoại giao quản lý, sử dụng để phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Bộ



Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cụ thể chủng loại, giá mua xe ô tô của từng nhóm xe quy định tại khoản 1 Điều này khi mua sắm, trang bị đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của đất nước từng thời kỳ.

### **Điều 19. Thay thế xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước**

1. Điều kiện thay thế xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước:

a) Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước được thay thế khi đã đưa vào sử dụng quá 10 năm hoặc đã vận hành trên 150.000 km;

b) Xe ô tô không thuộc quy định tại điểm a khoản này nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự toán chi phí sửa chữa lớn hơn 30% so với nguyên giá).

2. Xe ô tô chưa đủ điều kiện thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều này mà cần thay thế để đảm bảo yêu cầu phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước (cũ) khi được thay thế, Bộ Ngoại giao thống nhất với Bộ Tài chính để xử lý như sau:

a) Điều chuyển giữa các nhóm (chuyển từ Nhóm 1 xuống Nhóm 2 hoặc Nhóm 3, chuyển từ Nhóm 2 xuống Nhóm 3); Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành quyết định điều xe ô tô giữa các nhóm để tiếp tục sử dụng phục vụ lễ tân nhà nước;

b) Xử lý theo các hình thức khác theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

## **Chương III**

### **KHOẢN KINH PHÍ SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ THUÊ DỊCH VỤ XE Ô TÔ**

#### **Điều 20. Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô:**

1. Đối tượng thực hiện khoản kinh phí sử dụng xe ô tô

a) Đối tượng được sử dụng xe ô tô tại các đơn vị không thực hiện trang bị xe ô tô theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9, điểm c khoản 5 Điều 10 và điểm b khoản 6 Điều 11 Nghị định này.

b) Chức danh khoản kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này;

c) Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định này áp dụng khoản kinh phí sử dụng xe ô tô theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều này.

2. Công đoạn khoản kinh phí sử dụng xe ô tô:

a) Đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại;

b) Đi công tác.

3. Hình thức và mức khoán kinh phí:

a) Hình thức khoán theo km thực tế

Đối với công đoạn đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại: Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở số km từ nơi ở đến cơ quan (2 lần/ngày), số ngày làm việc thực tế trong tháng và đơn giá khoán.

Đối với công đoạn đi công tác: Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở số km thực tế của từng lần đi công tác và đơn giá khoán.

b) Hình thức khoán gọn:

Đối với công đoạn đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại: Căn cứ khoảng cách bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày đưa đón bình quân hàng tháng của các chức danh có tiêu chuẩn, đơn giá khoán để xác định mức khoán gọn áp dụng cho tất cả các chức danh.

Đối với công đoạn đi công tác: Căn cứ số km bình quân đi công tác hàng tháng theo yêu cầu công việc của các chức danh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước và đơn giá khoán.

4. Đơn giá khoán: Phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường.

5. Nguồn kinh phí khoán được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước. Kinh phí khoán được thanh toán cho người nhận khoán cùng với việc chi trả tiền lương hàng tháng. Riêng kinh phí khoán theo hình thức quy định tại điểm a khoản 3 Điều này trong trường hợp đi công tác được thanh toán cùng với việc thanh toán công tác phí.

6. Trường hợp tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các công đoạn thì không thực hiện trang bị xe ô tô; trường hợp đã trang bị xe ô tô thì phải sắp xếp lại, xử lý số xe ô tô hiện có theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

7. Căn cứ quy định tại Nghị định này và điều kiện thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh), Hội đồng thành viên các Tập đoàn kinh tế quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định:

a) Việc áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của các chức danh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

b) Hình thức và công đoạn thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các chức danh.

c) Đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô áp dụng cho từng chức danh hoặc từng nhóm chức danh phù hợp với từng thời kỳ.

### **Điều 21. Thuê dịch vụ xe ô tô**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng trong các trường hợp sau:

a) Xe ô tô hiện có không đủ để bố trí phục vụ công tác, không áp dụng hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô;

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có đối tượng được sử dụng xe ô tô nhưng không thuộc trường hợp được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9, điểm c khoản 5 Điều 10 và điểm b khoản 6 Điều 11 Nghị định này.

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc đối tượng được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng theo quy định Nghị định này nhưng không thực hiện trang bị xe ô tô và không áp dụng hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể, thực tế cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại của thị trường, cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án, doanh nghiệp nhà nước thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô. Giá thuê dịch vụ xe ô tô phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện vận tải tương đương.

## **Chương IV SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ XE Ô TÔ**

### **Điều 22. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung**

1. Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật. Thời hạn hoàn thành: 06 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định.

2. Doanh nghiệp nhà nước căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô phục vụ công tác hiện có; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật liên quan. Thời hạn hoàn thành: 06 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các bộ, cơ quan trung ương, tổng cục và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thay đổi phương thức quản lý xe ô tô hoặc điều chỉnh số lượng xe ô tô được sử dụng của từng đơn vị mà phải sắp xếp lại số

xe hiện có thì thực hiện theo hình thức giao, điều chuyển theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

### **Điều 23. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng**

1. Căn cứ danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 16 Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 17 Nghị định này rà soát lại các quyết định đã ban hành của mình về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP để xử lý như sau:

a) Đối với các quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc danh mục quy định tại Điều 16 Nghị định này mà đã được ban hành theo đúng thẩm quyền và trình tự quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP và tiêu chuẩn, định mức đã ban hành vẫn còn phù hợp thì được tiếp tục thực hiện theo các quyết định đó cho đến khi có văn bản thay thế. Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng có trách nhiệm thông báo cho các đối tượng chịu sự tác động bằng văn bản và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Các trường hợp khác, cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Trong thời gian cơ quan, người có thẩm quyền chưa ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này, việc quản lý, xử lý đối với xe ô tô chuyên dùng đã trang bị được thực hiện như sau:

- Đối với các xe ô tô chuyên dùng thuộc danh mục quy định tại Điều 16 Nghị định này, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng đã được trang bị theo đúng tiêu chuẩn, định mức đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, không thực hiện việc giao, mua mới, điều chuyển; sau khi cơ quan, người có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc sắp xếp, xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều này.

- Đối với xe ô tô chuyên dùng đã trang bị nhưng nay không thuộc danh mục quy định tại Điều 16 Nghị định này được chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung và thực hiện sắp xếp lại theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

2. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng được cơ quan, người có thẩm quyền thông báo hoặc ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc rà soát, sắp xếp lại xe ô tô chuyên dùng hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương như sau:

a) Trường hợp xe ô tô chuyên dùng hiện có phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Nghị định này thì tiếp tục quản lý, sử dụng.

b) Trường hợp xe ô tô chuyên dùng hiện có không phù hợp với tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Nghị định này nhưng có thể sử dụng để phục vụ công tác chung thì chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung để sử dụng; số còn lại thực hiện xử lý theo các hình thức quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

Việc thực hiện xử lý xe ô tô chuyên dùng không phù hợp tiêu chuẩn, định mức phải hoàn thành chậm nhất 06 tháng kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cập nhật đầy đủ số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 24. Xử lý chuyển tiếp**

1. Các chức danh quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định này đã được trang bị xe ô tô chức danh thì tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh đã trang bị; trường hợp xe ô tô chức danh đã trang bị đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này thì được trang bị để thay thế theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định này.

2. Xe ô tô phục vụ công tác chung đã được trang bị trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (bao gồm cả số xe ô tô chuyên dùng được chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định này) thì phải sắp xếp lại để tiếp tục sử dụng phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước (kể cả trường hợp giá mua trước đây cao hơn mức giá tối đa quy định tại Nghị định này) theo số lượng phù hợp với quy định tại Nghị định này; không thực hiện bán, thanh lý xe ô tô nếu chưa đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này.

#### **Điều 25. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng .... năm 2023.
2. Bãi bỏ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.
2. Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức thực hiện Nghị định này.
3. Bộ Y tế ban hành quy định chi tiết tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế.

4. Bộ Ngoại giao ban hành Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô lễ tân nhà nước theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

5. Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tập đoàn kinh tế có trách nhiệm:

a) Tổ chức xác định số lượng xe ô tô được sử dụng của các cơ quan, tổ chức đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Nghị định này, thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý và Bộ Tài chính được biết.

b) Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức và xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định tại Nghị định này; bố trí, sắp xếp đội ngũ lái xe khi xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của pháp luật về lao động; hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe ô tô, chi phí khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác theo quy định của pháp luật; cập nhật dữ liệu về xe ô tô vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Hội đồng Quản trị các Tập đoàn kinh tế, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty do TTg thành lập;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b). XH

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**